

Số: 30/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI**

Căn cứ Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người yêu cầu tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Trần Văn Q**; sinh ngày 16/7/1997; số CCCD: 040097023154; địa chỉ: **Làng T, xã I, tỉnh Gia Lai**.

2. Bà **Rơ Châm S**; sinh ngày 22/8/2002; số CCCD: 064302004143; địa chỉ: **Làng T, xã I, tỉnh Gia Lai**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** đã thật sự tự nguyện ly hôn.

[2] Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** đã thỏa thuận được về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và tự thỏa thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** có 02 con chung là cháu **Trần Thị H**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2019 và cháu **Trần Văn Q1**, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2023.

Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** thống nhất thỏa thuận: Bà **Rơ Châm S** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Trần Thị H** và cháu **Trần Văn Q1** cho đến khi cháu **Trần Thị H** và cháu **Trần Văn Q1** thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà **Rơ Châm S** không yêu cầu ông **Trần Văn Q** cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0002640 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông **Trần Văn Q** và bà **Rơ Châm S** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Người yêu cầu;
- VKSND Khu vực 9 – Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9;
- UBND xã Ia Hrug;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Huy**